

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày 13/8/2020

V/v tranh chấp Hôn nhân và
gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Toàn Thắng.
- *Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Nhiều, ông Phạm Đức Hiền.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Liên.

- *Đại diện VKSND huyện Vũ Thư tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Vân Anh -
Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, xét xử sơ
thẩm vụ án thụ lý số 45/2020/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, và
Quyết định hoãn phiên tòa số 24/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1996 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện V, tỉnh T.
- Bị đơn: Anh **Đỗ Thanh Th**, sinh năm 1995 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện V, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn (Chị Trần Thị T) trong quá trình
giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh Th do hai người tự nguyện tìm
hiếu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 28/11/2017. Sau khi
kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu
thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên không hạnh
phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Nay chị T xác định
tình cảm không còn nên xin được ly hôn. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con
chung là Đỗ Trọng N, sinh ngày 21/7/2018, ly hôn chị T xin trực tiếp nuôi con chung Đỗ
Trọng N, và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung,: Không có, không yêu
cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Th trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Anh thừa nhận lời
khai của của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng
chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu

là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị T không còn nên lúc đầu anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn, đến khi Tòa án mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ anh lại thay đổi ý kiến là không đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Trọng N, sinh ngày 21/7/2018, anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con chung Đỗ Trọng N, và chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh T đã cung cấp như sau:

Chị T kết hôn với anh Th do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 28/11/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Nay chị T xin được ly hôn anh Th thì đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Về quan hệ con chung: Chị T anh Th có 01 con chung là Đỗ Trọng N, sinh ngày 21/7/2018, ly hôn chị T xin trực tiếp nuôi con chung Đỗ Trọng N, và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con thì đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T, anh Th không có tài sản chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư phát biểu tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Đã chấp hành một phần các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị:

1/ Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn anh Th.

2/ Về con chung: Xử giao con chung là Đỗ Trọng N, sinh ngày 21/7/2018, cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ □n phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Th cư trú tại thôn H, xã X, huyện V, tỉnh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

Tại phiên tòa anh Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh Th do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 28/11/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, anh Th cũng xác định tình cảm giữa anh và chị T không còn nên lúc đầu anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn, đến khi Tòa án mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ anh lại thay đổi ý kiến là không đồng ý ly hôn, nhưng anh Th cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh Th là phù hợp quy định của luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy chị T, anh Th có 01 con chung là Đỗ Trọng N, sinh ngày 21/7/2018 hiện đang ở với chị T, xét thấy chị T đi làm có thu nhập đủ để nuôi con, ngoài ra con chung còn rất nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung cần giao cho chị T trực tiếp nuôi con là phù hợp quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, vì vậy không đặt ra giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị T, anh Th không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Đỗ Thanh Th.

2/ Về con chung: Xử giao con chung là Đỗ Trọng N, sinh ngày 21/7/2018, cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Anh Th có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Chị T và anh Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ □n phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003759 ngày 10/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, thành án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện V;
- UBND xã X, huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hà Toàn Thắng